

Bản án số: **95/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 12/03/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lâm**

Ông **Nguyễn Văn Cương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hiệp** – Thư ký

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2024/HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HPT ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 (có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Cùng HKTT: Sô G, Long Biên, Hà Nội; Cùng trú tại: C, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện; các bản tự khai ngày 24/10/2024; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/12/2024; Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/01/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai gia đình, lễ cưới tổ chức ngày 18/09/2010. Đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 09 năm 2010 tại UBND phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của chị và anh Nguyễn Duy Đ. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại số B, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau đó, năm 2016 chuyển về P, phường Đ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân có nhiều điểm không hòa hợp, không nói chuyện được với nhau. Đến cuối năm 2020 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh Đ đã đầu tư ngoại hối thua lỗ, vay nợ nhiều nơi không trả được, mở nhiều thẻ ngân hàng không có khả năng chi trả. Tháng 04 năm 2024 anh Đ làm đơn ly hôn đơn phương với chị đến Tòa án nhân dân quận Long Biên, Tòa án đã gọi chị đến hoà giải nhưng anh Đ không đồng ý, vẫn kiên quyết nộp đơn ly hôn. Tháng 05 năm 2024 anh Đ bị đuổi việc không có thu nhập, nhiều người đến

nhà đòi nợ ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày của chị và các con. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân bế tắc, không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2024 cho đến nay. Chị đã nhiều lần nói chuyện với bố mẹ và anh chị em trong gia đình chị về việc muốn ly hôn với anh Đ và mong gia đình chị ủng hộ cho chị ly hôn và bố mẹ chị thương các cháu nên khuyên giải chị nhẫn nhịn nhưng sự việc ngày càng phức tạp. Bố mẹ chồng chị biết việc anh Đ đầu tư thua lỗ và bị nhiều người đòi nợ cũng khuyên chị suy nghĩ, nhẫn nhịn mọi việc vì các con, ông bà nói cũng rất buồn vì không khuyên bảo được anh Đ. Sau một thời gian dài vợ chồng sống ly thân mà không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, chị quyết định ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Đ nợ nần chồng chất, gửi đơn ly hôn đơn phương đến Tòa án nhưng sau đó không đến Tòa án làm việc, không đồng ý thuận tình ly hôn là muốn gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13/12/2018. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà M và Nguyễn Ánh D. không yêu cầu anh Đ phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì. Ngoài những yêu cầu trên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 22/01/2025 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Duy Đ tại tổ dân phố số 17B, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội thì được bà Nguyễn Thị Xuân tổ trưởng tổ dân phố xác nhận chị H và anh Đ có ở tại P1110 – CT9 Nguyễn Cao Luyện, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không khai báo và nhờ tổ dân phố hoà giải. Anh Đ cũng thường xuyên đi làm xa không có mặt tại nhà. Tổ dân phố biết việc anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13/12/2018. Về tài sản và công nợ tổ dân phố không nắm được. Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho hai cháu khi bố mẹ ly hôn.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 18/12/2024 bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Khắc Thông là bố mẹ đẻ chị H cho Tòa án biết: Năm 2010 chị H và anh Đ kết hôn tự nguyện, tự tìm hiểu có sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết anh chị về ở tại địa chỉ số 606 Nguyễn Văn Cừ, tổ 15, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, đến năm 2015 thì chuyển về phòng 1110 - CT9C Nguyễn Cao Luyện, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2022 ông bà thấy tình cảm của anh chị có nhiều mâu thuẫn do anh Đ đầu tư, làm ăn thua lỗ, ông bà đã đứng ra trả nợ thay cho anh Đ 03 lần nhưng anh Đ vẫn còn nợ rất nhiều người. Tháng 05 năm 2024 anh Đ bị đuổi việc và không có thu nhập nên cũng không đóng góp nuôi con, cũng

như hỗ trợ chị H về kinh tế và anh Đ còn làm đơn ly hôn đơn phương với chị H và tự đến Tòa án quận Long Biên để nộp đơn ly hôn đơn phương. Sau khi nộp đơn ly hôn thì anh Đ bỏ nhà đi thường xuyên hơn và không chịu làm ăn, hiện nay vẫn có rất nhiều người đến đòi nợ anh Đ tại nhà và tại cơ quan chị H. Quá trình anh Đ làm rõ ông bà không có mâu thuẫn gì mà chủ yếu anh chị có mâu thuẫn do cách sống, cách ứng xử với nhau. Tháng 06 năm 2024 anh Đ tự dọn ra ở chỗ khác, không ở cùng chị H và các con. Việc anh chị có hoà giải đoàn tụ hay không ông bà không biết nhưng ông bà vẫn khuyên chị H tha thứ cho anh Đ vì các con chung và để các cháu có bố mẹ. Chị H cho ông bà biết sau khi nộp đơn ly hôn thì anh Đ đã không đến Tòa án làm việc nhưng như thế là anh cũng đã đồng ý ly hôn chỉ đợi chị quyết định. Việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ ông bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn, giải thoát cho chị.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13/12/2018. Các cháu chưa đủ 18 tuổi nên ở với mẹ là phù hợp vì các cháu là con gái và từ xưa đến nay vẫn do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ tuy là bố nhưng không kiếm tiền nuôi con và chăm sóc các con và hiện đã bỏ mẹ con chị H đi chỗ khác, ông bà sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc các cháu khi cần thiết; Về tài sản và nhà ở chung và công nợ chung: ông bà không biết, không có ý kiến.

- Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà M là con của chị H và anh Đ thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ và giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh H đối với anh Nguyễn Duy Đ; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012, cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13/12/2018. Giao cháu Nguyễn Hà M và cháu Nguyễn Ánh D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị H

không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét; Về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Chị H khai anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Duy Đ. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ có hộ khẩu thường trú tại số 606 Nguyễn Văn Cừ, tổ 15, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội và hiện trú tại P1110 CT9C Nguyễn Cao Luyện, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh H có mặt, bị đơn là anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt. Đối với anh Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/09/2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 67 quyền số 01/2010) tại UBND phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh Đ chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, kinh tế vay nợ nhiều người dẫn tới bị nhiều người đòi nợ dẫn tới mâu thuẫn trầm trọng. Tháng 04 năm 2024 anh Đ đã làm đơn ly hôn đơn phương đến Tòa án và tháng 06 năm 2024 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ tháng 06 năm 2024 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị sống mỗi người một nơi anh Đ là người làm đơn xin ly hôn đơn phương nhưng sau đó không đến Tòa án và không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, anh Đ cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị H cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thanh H có yêu cầu

được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Ánh D , sinh ngày 13/12/2018. Ly hôn, chị H muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Hà M và cháu Nguyễn Ánh D , không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do chị H không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 06 năm 2024 chị H, anh Đ đã sống ly thân, chị H và hai con là cháu Nguyễn Hà M và cháu Nguyễn Ánh D , vẫn ở tại phòng 1110 CT9C Nguyễn Cao Luyện, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội còn anh Đ cũng chuyển đi ở đâu không rõ, hai cháu My và D con của anh chị sống chung cùng mẹ vẫn phát triển ổn định về tinh thần và thể chất. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao cháu Nguyễn Hà M (nữ), sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Ánh D (nữ), sinh ngày 13/12/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải đóng góp nuôi con là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với thực trạng của cháu.

Anh Nguyễn Duy Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn chị H tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Chị H khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thanh H** được ly hôn anh **Nguyễn Duy Đ**.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Duy Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 13/12/2018. Giao cháu Nguyễn Hà M (nữ) và cháu Nguyễn Ánh D (nữ) cho chị Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, kể từ tháng 03 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Duy Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ nếu anh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Chị H khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thanh H** phải nộp **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051329 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh